

## CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

### I. Giới thiệu:

- Gói thầu số 01: Tư vấn bổ sung lập Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng An Giang – Khu vực I

- Tên Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng An Giang – Khu vực I.

- Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ năm 2025

- Địa điểm thực hiện: xã An Minh, xã Vân Khánh, xã Đông Hưng, xã Tân Thạnh, xã Đông Thái, xã Tây Yên, xã Mỹ Thuận, xã Sơn Kiên, xã Hòn Đất, xã Bình Sơn, xã Bình Giang, xã Kiên Lương, xã Sơn Hải, xã Hòn Nghệ, xã Tiên Hải, xã Vĩnh Điều, phường Vĩnh Thông, phường Tô Châu, phường Hà Tiên và đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang

### II. Phạm vi công việc:

Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng An Giang – Khu vực I cần phải bổ sung cho phù hợp với các quy định của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ:

TT	Nội dung của dự thảo Đề án hiện có	Nội dung Nghị định số 91/2024/NĐ-CP yêu cầu thể hiện
I	Nội dung Đề án	
1	Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên; tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
2	Thuyết minh chi tiết phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và phương thức tổ chức thực hiện	Thuyết minh sơ bộ phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện;
3	Địa điểm, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tùy thuộc vào hiện trạng rừng từng khu vực
4	Các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường;	Các giải pháp thực hiện đề án bao gồm: giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư; các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; phương

TT	Nội dung của dự thảo Đề án hiện có	Nội dung Nghị định số 91/2024/NĐ-CP yêu cầu thể hiện
		thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng
5	Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;	Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;
6	Các loại bản đồ tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 gồm: Bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch của khu rừng; bản đồ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng.	Bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000;
7	Không yêu cầu (chưa có)	Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có);
8	Không yêu cầu (chưa có)	Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.
<b>II</b>	<b>Quản lý xây dựng công trình</b>	
1	Không yêu cầu (chưa có)	Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ là công trình thương mại, dịch vụ theo quy định của pháp luật về xây dựng,
2	Tỷ lệ diện tích: không quy định	Tỷ lệ diện tích: Tối đa 5% đối với rừng phòng hộ và 2% đối với rừng đặc dụng
3	Chiều cao công trình: Không quy định cụ thể	Chiều cao công trình: Không quy định cụ thể
4	Đối tượng: Chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi đất trống, trống cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi;	<b>Đối tượng</b> a) Được xây dựng các công trình trên trống cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng;

TT	Nội dung của dự thảo Đề án hiện có	Nội dung Nghị định số 91/2024/NĐ-CP yêu cầu thể hiện
		b) Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, để tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên;
5	Không yêu cầu (chưa có)	Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình được xác định trong đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 23 Nghị định này nhưng tổng diện tích công trình không vượt quá 5% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

**Nội dung rà soát, bổ sung:**

- Rà soát, cập nhật vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm du lịch.

- Rà soát, bổ sung một số giải pháp thực hiện Đề án, gồm: Giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư; phòng cháy chữa cháy; phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng.

- Bổ sung thuyết minh trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Rà soát, cập nhật bổ sung bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của các điểm du lịch của Ban quản lý tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có).

- Rà soát, cập nhật bổ sung bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy cho từng điểm du lịch có tiềm năng.

- Tổ chức các hội nghị/hội thảo.

**Phạm vi thực hiện**

- Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I quản lý: 21.491,82 ha.

- Địa điểm thực hiện: xã An Minh, xã Vân Khánh, xã Đông Hưng, xã Tân

Thạnh, xã Đông Thái, xã Tây Yên, xã Mỹ Thuận, xã Sơn Kiên, xã Hòn Đất, xã Bình Sơn, xã Bình Giang, xã Kiên Lương, xã Sơn Hải, xã Hòn Nghệ, xã Tiên Hải, xã Vĩnh Điều, phường Vĩnh Thông, phường Tô Châu, phường Hà Tiên và đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang.

### **Phương pháp và trình tự các bước thực hiện**

#### **Công tác chuẩn bị**

- Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ điều tra bổ sung: hệ thống bản đồ và các thông tin, tư liệu thứ cấp theo diện tích của công trình.

- Xây dựng đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện bổ sung Đề án: tổng hợp, phân tích số liệu, xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và sản phẩm để viết đề cương nhiệm vụ điều chỉnh Đề án; xác định khối lượng công việc và xây dựng dự toán nhiệm vụ bổ sung Đề án.

- Hội nghị thông qua đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện.

- Chính sửa đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ: chỉnh sửa, bổ sung đề cương và dự toán kinh phí theo ý kiến kết luận của hội nghị.

- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ: sau khi đề cương kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt, tiến hành thiết kế chi tiết biện pháp kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ.

- Thống nhất biện pháp kỹ thuật: thống nhất kỹ thuật cho lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ để thống nhất kỹ thuật thực hiện và thời gian thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ điều tra rừng: kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ được xây dựng bao gồm các nội dung thực hiện nhiệm vụ; địa điểm thực hiện nhiệm vụ; thời gian thực hiện nhiệm vụ; nhân sự tham gia thực hiện nhiệm vụ; các sản phẩm dự kiến đạt được; báo cáo kế hoạch triển khai nhiệm vụ và các mẫu biểu, biểu điều tra, khảo sát...

- Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích đất trồng dự kiến bố trí các công trình cần kiểm tra hiện trường trong quá trình khảo sát.

- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật: chuẩn bị các loại thiết bị, vật tư, dụng cụ; các mẫu báo cáo, mẫu biểu, biểu điều tra đất trồng phục vụ công tác điều tra thực địa.

#### **Công tác thực địa**

- Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở cấp chủ rừng.

- Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở: sơ thám khu rừng thực hiện nhiệm vụ điều tra đất trồng; làm thủ tục hành chính với cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, chủ rừng; thu thập các thông tin, tài liệu liên quan.

- Di chuyển trong quá trình điều tra: di chuyển giữa các khu vực thực hiện nhiệm vụ điều tra đất trồng.

- Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái: xác định diện tích rừng và đất trồng cần chụp ảnh, vị trí điều khiển thiết bị, chụp hiện trạng rừng và đất trồng bằng thiết bị bay không người lái.

- Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng và đất trồng khu vực

dự kiến bố trí công trình sau giải đoán ảnh ngoài thực địa (tỷ lệ 1/25.000).

- Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng đất trống ngoài thực địa (Điều tra, khoanh vẽ theo phương pháp khoanh lô trên tuyến điều tra).

- Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng: xác định các tuyến, vị trí các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; điều tra thực trạng và khoanh vẽ trên bản đồ.

- Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng giao thông liên quan đến hoạt động lâm nghiệp (giao thông bên trong các điểm du lịch và kết nối giữa điểm du lịch với bên ngoài).

- Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa: rà soát bản đồ, số liệu; chỉnh lý, tính toán sơ bộ trước khi chuyển sang công việc nội nghiệp.

- Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở: thống nhất số liệu, bản đồ đã thu thập với địa phương, cơ sở trước khi hoàn thiện nhiệm vụ điều tra bổ sung trình phê duyệt.

- Chuyển quân và rút quân thực địa.

### **Công tác nội nghiệp**

- Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng đất trống và tính toán diện tích đất trống từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái (Tỷ lệ 1/10.000).

- Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện trạng đất trống (Tỷ lệ 1/10.000).

- Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo bổ sung Đề án.

- Viết báo cáo thuyết minh Đề án bổ sung.

- Chuẩn bị tài liệu, cơ sở vật chất, công tác tổ chức hội nghị.

- Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị.

- In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả.

### **Sản phẩm**

- Hoàn thiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng An Giang – Khu vực I và bản đồ kèm theo.

- Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của các điểm du lịch lâm phần tỷ lệ 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có);

- Bản đồ tỷ lệ 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy cho từng điểm du lịch có tiềm năng.

- USB lưu trữ toàn bộ file mềm thành quả của Đề án

### Kế hoạch thực hiện

STT	Nội dung	Tháng thứ					
		1	2	3	4	5	6
1	Công tác chuẩn bị						
2	Khảo sát bổ sung hiện trường						
3	Xử lý số liệu và viết báo cáo thuyết minh một số nội dung điều chỉnh, tổ chức hội nghị kỹ thuật						
4	Hoàn thiện nội dung Đề án và hồ sơ trình phê duyệt						

### Khối lượng thực hiện

<b>I</b>	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>
P1	Công tác chuẩn bị
P2	Công tác thực địa
P3	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu thực địa = P2 x 7%
P4	Chi phí lán trại = P2 x 2%
P5	Công tác nội nghiệp
P6	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu nội nghiệp = P5 x 15%
P7	Chi phí phục vụ = (P1+...+P6) x 6,7%
P8	Chi phí quản lý của đơn vị thực hiện = (P1+...+P7) x 12%
P9	Chi phí máy móc, thiết bị = (P1+...+P8) x 5%
P10	Chi phí vật tư dụng cụ, điện nước, thông tin liên lạc = (P1+...+P8) x 5%
P11	Chi phí khác (hội nghị)
P12	Thu nhập chịu thuế tính trước = (P1+...+P11)*5,5%

### Cụ thể:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Theo Thông tư 05/2024/TT- BNNPTNT	
				Định mức	Số công
	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>				
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>				
<b>P1</b>	<b>CÔNG TÁC CHUẨN BỊ</b>				<b>37,0</b>
1. 1	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1	10	10,0
2. 2	Thông nhất biện pháp kỹ thuật	Nhiệm vụ	1	5	5,0
3. 3	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1	7	7,0
4. 6	Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích đất trồng dự kiến bố trí các công trình cần kiểm tra hiện trường trong quá trình khảo sát	Chủ rừng	1	5	5,0
5. 7	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	Nhiệm vụ	1	10	10,0

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Theo Thông tư 05/2024/TT- BNNPTNT	Số công
<b>P2</b>	<b>CÔNG TÁC THỰC ĐỊA</b>			<b>Định mức</b>	<b>517,1</b>
6. 1	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở chủ rừng	Hội nghị	1	12	12,0
7. 2	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp xã, chủ rừng	Chủ rừng	1	15	15,0
8. 3	Di chuyển trong quá trình điều tra	Km	60	0,2	12,0
9. 4	Chụp ảnh hiện trạng rừng và đất trồng ở các điểm du lịch bằng thiết bị bay không người lái	100 ha	8,4	3	25,2
10. 4	Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng và đất trồng khu vực dự kiến bố trí công trình sau giải đoan ảnh ngoài thực địa	Mảnh	4	18,5	74,0
11. 5	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng đất trống ngoài thực địa (Điều tra, khoanh vẽ theo phương pháp khoanh lô trên tuyến điều tra)	Ha	100	0,7	70,0
12. 6	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng	Ha	841,3	0,02	16,8
13. 7	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng giao thông liên quan đến hoạt động lâm nghiệp (giao thông bên trong các điểm du lịch và kết nối giữa điểm du lịch với bên ngoài)	km	30	6	180,0
14. 8	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	Ha	20.000	0,005	100,0
15. 9	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	Nhiệm vụ	1	2	2,0
16. 10	Chuyển quân và rút quân thực địa (Cự ly < 200 km)	Người	5	2	10,0

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Theo Thông tư 05/2024/TT- BNNPTNT		Số công
				Định mức		
P3	CHI PHÍ KIỂM TRA, NGHIỆM THU THỰC ĐỊA = P2 x 7%			0,07		
P4	CHI PHÍ LÁN TRẠI = P2 x 2%			0,02		
P5	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP					325,7
17.1	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng đất trống và tính toán diện tích đất trống từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái	Ha	841,3	0,05		42,1
18.2	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện đất trống	Mảnh	4	11,4		45,6
19.3	Hoàn thiện bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng	Bản đồ	2	4		8,0
20.4	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Báo cáo	1	130		130,0
21.5	Viết báo cáo đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Báo cáo	1	55		55,0
22.6	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	Hội nghị	1	22		22,0
23.7	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị	Báo cáo	1	15		15,0
24.8	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	Nhiệm vụ	1	8		8,0
P6	CHI PHÍ KIỂM TRA, NGHIỆM THU NỘI NGHIỆP = P5 x 15%			0,15		
P7	CHI PHÍ PHỤC VỤ = (P1+...P6) x 6,7%			0,067		
P8	CHI PHÍ QUẢN LÝ CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN = (P1+...P7) x 12%			0,12		
P9	CHI PHÍ MÁY MÓC, THIẾT BỊ = (P1+...+P8) x 5%			0,05		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Theo Thông tư 05/2024/TT- BNNPTNT Định mức	Số công
P10	<b>CHI PHÍ VẬT TƯ DÙNG CỤ, ĐIỆN NƯỚC, THÔNG TIN LIÊN LẠC = (P1+...+P8) x 5%</b>			0,05	
<b>P11</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC (HỘI NGHỊ)</b>				
-	Công tác phí Hội nghị = 4 người * 2 ngày * 200.000đ/ngày * 3 HN				
-	Khoán ngủ Hội nghị cơ sở = 4 người * 1 đêm * 300.000đ/đêm * 3 HN				
-	Chi phí đi lại Hội nghị cơ sở = 3 HN * 2.000.000đ/HN				
-	Chi phí phục vụ hội nghị: 100.000đ/người (Tài liệu+ VPP 80.000đ/người; nước uống 20.000đ/người) * 30 người/HN * 3 HN				
<b>P12</b>	<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC = (P1+...+P11)*5,5%</b>			<b>0,055</b>	

**III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

*Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.*

**IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

*Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí .*

**V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

*Dự kiến khả năng cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.*

